

Bản án số: **10/2022/KDTM-PT**
Ngày: 25/7/2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng;
Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Trí-Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án phúc thẩm thụ lý số 05/2022/TLPT-KDTM ngày 30/5/2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 21/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà H, số 412, đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Bình H; Sinh năm 1983; Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B-Chi nhánh tỉnh S; Địa chỉ cư trú: Đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; theo Giấy ủy quyền số 413/2021/UQ-BVB ngày 04/11/2021. (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H; Địa chỉ trụ sở chính: Đường T, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Quốc T; Sinh năm: 1960; Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ cư trú hiện nay: Ấp 7, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; theo Hợp đồng ủy quyền

ngày 27/8/2020. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C; Địa chỉ cư trú: Đường P, Khóm F, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị V; Địa chỉ cư trú: Đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Út Tr; Địa chỉ cư trú: Đường P, Khóm F, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Quách Văn P; Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp L, xã LT, huyện B, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ cư trú hiện nay: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) trình bày như sau:

Ngân hàng B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H (sau đây gọi tắt là Công ty H) đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0501900004300 ngày 27/3/2019 nội dung cụ thể vay số tiền 7.250.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến 27/3/2020; Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ: Lãi suất cho vay nêu trên chỉ áp dụng cho lần giải ngân lần đầu tiên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Các lần giải ngân sau, lãi suất được các bên thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ. Việc điều chỉnh lãi suất cho vay thực hiện theo thỏa thuận trên giấy nhận nợ. Số tiền đã giải ngân cho Công ty H vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức 0501900004300 ngày 27/3/2019 là 7.250.000.000 đồng gồm các giấy nhận nợ sau: Giấy nhận nợ số 0501900004300.005 ngày 27/9/2019 số tiền vay 3.600.000.000 đồng, ngày đến hạn là ngày 27/02/2020, trả lãi vào ngày 27 định kỳ 01 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ, lãi suất 11,10%/năm cố định suốt thời gian vay, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh bán buôn thủy sản; Giấy nhận nợ số 0501900004300.006 ngày 02/10/2019, số tiền vay 3.650.000.000 đồng, ngày đến hạn là ngày 02/3/2020, trả lãi vào ngày 02 định kỳ 01 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ, lãi suất 11%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh bán buôn thủy sản.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 0501900013200 ngày 29/5/2019 nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay 2.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời gian nhận tiền vay đến ngày 29/08/2019; Lãi suất cho vay cụ

thẻ trên từng Giấy nhận nợ: Lãi suất cho vay nêu trên chỉ áp dụng cho lần giải ngân lần đầu tiên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Các lần giải ngân sau, lãi suất được các bên thỏa thuận trên từng Giấy nhận nợ. Việc điều chỉnh lãi suất cho vay thực hiện theo thỏa thuận trên Giấy nhận nợ. Số tiền đã giải ngân cho Công ty H vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 0501900013200 ngày 29/5/2019 là 670.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 0501900013200.001 ngày 29/5/2019, ngày đến hạn là ngày 29/5/2020, trả lãi vào ngày 29 định kỳ 01 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ, lãi suất 11%/năm cố định suốt thời gian vay, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh bán buôn thủy sản.

Tổng số tiền Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty H vay là 7.920.000.000 đồng. Đến ngày 12/8/2019, Công ty H và Ngân hàng B đã ký kết Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp. Theo đó, Ngân hàng B đồng ý cấp thẻ cho Công ty H với hạn mức là 300.000.000 đồng và đã giải ngân số tiền 297.786.279 đồng.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0501900004300 ngày 27/3/2019 được bảo đảm bằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900004400 ngày 27/3/2019, tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại Khóm C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 528406, số vào sổ cấp GCN CH 00106 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 14/3/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900009100 ngày 07/11/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0501900009101 ngày 27/3/2019, tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khóm F, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CA 169705, số vào sổ cấp GCN CH 01691 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 19/8/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900004500 ngày 27/3/2019, tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Đ, xã LT, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 543072, số vào sổ cấp GCN CH 01092 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/6/2014.

- Hợp đồng tín dụng từng lần số 0501900013200 ngày 29/5/2019 được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900013300 ngày 29/5/2019, tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khóm F, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSDĐ số phát

hành AL 667183, số vào sổ cấp GCN H 2759 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 09/6/2008.

Trong quá trình vay vốn do Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng B đã nhiều lần đôn đốc khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thông báo khởi kiện nhưng Công ty H không trả nợ.

Nay Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty H thanh toán số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng tạm tính đến ngày 13-01-2022, tiền vốn gốc là 8.217.786.278 đồng, tiền lãi là 2.974.365.477 đồng, lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký, tổng cộng là 11.192.151.755 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 14/01/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Đồng thời, Ngân hàng B rút lại yêu cầu tính tiền phí của hợp đồng thế tín dụng là 602.237.428 đồng. Trường hợp Công ty H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng B và Công ty H để Ngân hàng B thu hồi nợ.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn Công ty H trình bày như sau: Công ty H thống nhất số tiền nợ gốc còn nợ của Ngân hàng B là 8.217.786.278 đồng và xin trả trong 03 tháng, còn tiền lãi thì Công ty H không thống nhất vì chưa nêu rõ cách tính lãi, do lãi suất tính quá cao nên không đồng ý thanh toán.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quách Văn P trình bày như sau: Ông Pen có thuê đất của ông Cơ để nuôi tôm, việc thuê đất có làm hợp đồng thời hạn từ năm 2019-2024, giá 70.000.000 đồng/tháng và đã đặt cọc được 1.250.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Pen không có ý kiến về việc Ngân hàng B kiện Công ty H.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C, Lê Thị V, Nguyễn Thị Út Tr không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và không có nộp văn bản trình bày ý kiến về vụ án nên Tòa án nên Tòa án không thu thập được ý kiến của họ về vụ án.

* Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 14-01-2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 297, Điều 308; Điều 318, khoản 1 Điều 335 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy Sản H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0501900004300 ngày 27/3/2019, Hợp đồng tín dụng từng lần số 0501900013200 ngày 29/5/2019, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Visa CorpSMEP ngày 12/8/2019, tiền vốn gốc là 8.217.786.278 đồng, tiền lãi là 2.974.365.477 đồng, tổng cộng là 11.192.151.755 đồng.

Kể từ ngày 14-01-2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy Sản H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0501900004300 ngày 27/3/2019, Hợp đồng tín dụng từng lần số 0501900013200 ngày 29/5/2019, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Visa CorpSMEP ngày 12/8/2019 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo phạm vi bảo đảm của các hợp đồng thế chấp sau để ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H, tài sản thế chấp cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900004400 ngày 27/3/2019. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại Khóm C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 528406, sổ vào sổ cấp GCN CH 00106 do Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/3/2016.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900009100 ngày 07/11/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0501900009101 ngày 27/3/2019. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khóm F, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CA 169705, sổ vào sổ cấp GCN CH 01691 do Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/8/2015.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900004500 ngày 27/3/2019. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Đ, xã LT, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 543072, số vào sổ cấp GCN CH 01092 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/6/2014.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0501900013300 ngày 29/5/2019. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khóm F, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL 667183, số vào sổ cấp GCN H 2759 do Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/6/2008.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H trả số tiền phí của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Visa CorpSMEP ngày 12/8/2019 với số tiền là 602.237.428 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Đến ngày 27/01/2022, ông Nguyễn H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm, theo hướng miễn, giảm tiền lãi, không phạt chậm trả lãi và phí.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và xác định ông Nguyễn H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty H kháng cáo một phần Bản án số 15/2022/KDTM-ST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, theo hướng đề nghị miễn, giảm tiền lãi, lãi chậm trả lãi và phí. Lý do: Trong thời gian diễn ra dịch covid-19 thì Công ty H gặp khó khăn về kinh tế do không sản xuất, kinh doanh được, đề nghị Tòa án xem xét.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không lý do đến lần thứ hai là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, bởi vì Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định buộc Công ty H thanh toán cho Ngân hàng B tiền lãi là 2.974.365.477 đồng là phù hợp với các hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết và đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng

xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xem xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C, Lê Thị V, Nguyễn Thị Út Tr, Quách Văn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của ông Nguyễn H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty H lập và gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm qua dịch vụ bưu chính vào ngày 27/01/2022 và ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa xác định ông Nguyễn H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty H kháng cáo một phần Bản án số 05/2022/KDTM-ST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S về việc đề nghị miễn, giảm tiền lãi, lãi phạt chậm trả lãi và phí. Xét kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung tranh chấp hợp đồng tín dụng: Xét giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định giữa hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn kinh doanh với các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0501900004300 ngày 27/3/2019 nội dung cụ thể vay số tiền là 7.250.000.000 đồng được giải ngân theo Giấy nhận nợ số 0501900004300.005 ngày 27/9/2019 số tiền là 3.600.000.000 đồng, ngày đến hạn 27/02/2020, trả lãi vào ngày 27 định kỳ 01 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ, lãi suất 11,10%/năm cố định suốt thời gian vay và Giấy nhận nợ số 0501900004300.006 ngày 02/10/2019 số tiền là 3.650.000.000 đồng, ngày đến hạn 02/3/2020, trả lãi vào ngày 02 định kỳ 01 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ, lãi suất 11%/năm; Hợp đồng tín dụng từng lần số 0501900013200 ngày 29/5/2019, số tiền đã giải ngân theo Giấy nhận nợ số 0501900013200.001 ngày 29/5/2019, số tiền là 670.000.000 đồng, ngày đến hạn 29/5/2020, trả lãi vào ngày 29 định kỳ 01 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ, lãi suất 11%/năm cố định suốt thời gian vay; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp ngày 12/8/2019, với hạn mức là 300.000.000 đồng, đã giải ngân 297.786.278 đồng. Đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2022), Công ty H còn nợ Ngân hàng B khoản nợ gốc tổng cộng là

8.217.786.278 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi gốc quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi là 2.974.365.477 đồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử buộc Công ty H thanh toán cho Ngân hàng B tổng cộng nợ gốc và tiền lãi là 11.192.151.755 đồng. Công ty H không kháng cáo đối với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về khoản nợ gốc; Công ty H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn, giảm khoản tiền lãi, lãi phạt chậm trả lãi và phí.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn, về việc đề nghị xem xét miễn, giảm khoản tiền lãi, lãi phạt chậm trả lãi và phí: Về phí, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện về phí và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận phần kháng cáo này của bị đơn.

[5] Xét tại các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0501900004300 ngày 27/3/2019 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 0501900013200 ngày 29/5/2019 thì giữa Công ty H và Ngân hàng B có thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và lãi phạt chậm trả lãi (quy định tại điểm c Điều 6 của các Hợp đồng). Đồng thời, tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp ngày 12/8/2019 thì giữa Công ty H và Ngân hàng B có thỏa thuận cách tính lãi tại Điều 11. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc Công ty H thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng B các khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi trên tổng số tiền gốc còn nợ là 8.217.786.278 đồng với tổng số tiền lãi phải trả đến ngày 13/01/2022 là 2.974.365.477 đồng là phù hợp với các hợp đồng đã ký kết giữa hai bên và phù hợp với quy định của các điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, các hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn không có điều khoản quy định về việc giảm, miễn tiền lãi khi điều kiện kinh tế của bị đơn gặp khó khăn. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn không đồng ý miễn, giảm tiền lãi cho bị đơn.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên phần quyết định về tiền lãi, lãi phạt chậm trả lãi và phí của bản án sơ thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[8] Về án phí phúc thẩm: Theo khoản 1 Điều 148; khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Công ty H chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H, về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn, giảm tiền lãi, lãi phạt chậm trả lãi và phí. Giữ nguyên phần quyết định về tiền lãi, lãi phạt chậm trả lãi và phí của Bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H chịu án phí dân sự phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000263 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thanh Vũ